

Bản án số: **02/2019/KDTM- ST**

Ngày: 17/01/2019

V/v: *Tranh chấp mua bán cổ phần*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng

Bà Nguyễn Quỳnh Thơ

- Thư ký phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thùy Liên- Thư ký Toà án nhân dân quận Đống Đa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đống Đa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2018/TLST - DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về “*Tranh chấp mua bán cổ phần*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông C

HKTT và cư trú tại: số 129, tổ 14 phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. *(Có mặt tại phiên tòa)*

2. Bị đơn: Công ty A- Ngân hàng B

Trụ sở: số 04 phố C, phường D, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm N T- Tổng giám đốc Công ty

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị Q H- Chức vụ: Phó phòng phụ trách Kế hoạch tổng hợp công ty (văn bản ủy quyền ngày 31.10.2018) *(Có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là**

ông C trình bày:

Ông C nguyên là cán bộ của Công ty A (sau đây gọi tắt là Công ty), năm 2008-2009 khi Công ty tiến hành cổ phần hóa ông đã mua 27.700 cổ phần tương đương 275.229.200 đồng, cụ thể:

- Đợt 1 và Đợt 2 vào các ngày 18.12.2008 và ngày 10.4.2009: ông C và các cán bộ công nhân viên khác cùng đóng tiền mua cổ phần cho Công ty. Công Đoàn của Công ty lập danh sách những cán bộ công nhân viên đăng ký mua cổ phần rồi chuyển cho Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Sau khi tham gia đấu giá thành công đợt 1 ông C được mua 5.000 cổ phần với giá 52.500.000 đồng, đợt 2 được mua 20.000 cổ phần với giá 206.000.000 đồng.

- Đợt 3 (vào khoảng tháng 5 năm 2009): Công ty bán cổ phần ưu đãi cho Cán bộ công nhân viên của Công ty, không phải thông qua Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Điều kiện mua cổ phần ưu đãi: căn cứ theo Nghị định 109/2007 ngày 26.6.2007 của Chính phủ thì cán bộ công nhân viên của công ty được mua cổ phần bằng 60% giá của cổ phần bán ra và tính ưu tiên theo thời gian công tác. Tại đợt 3 ông C đã mua 2.700 cổ phần ưu đãi với giá 16.729.200 đồng.

Năm 2010 Công ty đã cấp cho ông 01 Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần nói trên. Cuối năm 2016 ông được biết đã có một nhà đầu tư đã khởi kiện đối với Công ty tại Tòa án yêu cầu hoàn trả tiền mua cổ phần do Công ty không cổ phần hóa thành công. Sau đó ông C đã nhiều lần đến Công ty yêu cầu hoàn trả số tiền ông đã mua cổ phần của Công ty nhưng không được chấp nhận. Hiện nay ông đã về hưu nên cuộc sống cũng có nhiều khó khăn trong khi đã đầu tư mua cổ phần của Công ty nhiều năm nay mà không được sở hữu cổ phần nào, không được hưởng lợi nhuận từ việc đầu tư này do công ty không cổ phần hóa được.

Nay ông C yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng mua bán cổ phần giữa ông và Công ty, buộc Công ty hoàn trả cho ông 275.229.200 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi của số tiền này, không yêu cầu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại.

*** Bị đơn Công ty A do bà Hoàng Thị Q H là đại diện trình bày:**

Công ty xác nhận về việc ông C đã mua cổ phần của Công ty là đúng. Do số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư thông thường không đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định nên Công ty không tiến hành được Đại hội đồng cổ đông, việc không cổ phần hóa thành công là do điều kiện khách quan. Trong thời gian qua Công ty và đơn vị chủ quản là Ngân hàng B đã có nhiều công văn gửi các cơ quan có thẩm quyền như Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính để có hướng xử lý đối với trường hợp không cổ phần hóa

thành công của doanh nghiệp.

Tại công văn số 947/HĐTV-ĐT ngày 06.7.2017 Ngân hàng B đã trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận phương án chuyển từ cổ phần hóa sang thủ tục bán doanh nghiệp đối với Công ty theo Nghị định 128/2014/NĐ-CP. Tại công văn số 688/NHNN-TTGSNH.m ngày 01.8.2017 Ngân hàng Nhà nước đã đồng ý về mặt chủ trương đối với phương án nói trên.

Tại công văn số 3115/HĐTV-ĐT ngày 16.11.2018 của Ngân hàng B đã xác định: sau khi được Ngân hàng nhà nước chấp nhận chủ trương nói trên thì Ngân hàng B sẽ tổ chức triển khai việc hoàn tiền mua cổ phiếu cho các nhà đầu tư đã mua cổ phần tại Công ty trước đây và tiến hành các thủ tục để bán Công ty.

Hiện Công ty còn phải chờ ý kiến chỉ đạo của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng B nên chưa thể trả lại số tiền ông C đã bỏ ra để mua cổ phần. Về yêu cầu khởi kiện của ông C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa có quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng mua bán cổ phần và buộc Công ty A hoàn trả số tiền 275.229.200 đồng nên cần xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại về mua bán cổ phần. Về hợp đồng mua bán cổ phần, nguyên đơn đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán tiền mua cổ phần, phía bị đơn xác nhận đã không cổ phần hóa thành công và hiện đang chờ để chuyển đổi từ cổ phần hóa sang bán toàn bộ doanh nghiệp. Do đó có căn cứ để xác định bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 423 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền 275.229.200 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi của số tiền đã mua cổ phần, không yêu cầu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Thẩm quyền giải quyết: Ông C khởi kiện về tranh chấp mua bán cổ phần đối với Công ty A có trụ sở tại số 04 phố C, phường D, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 05.6.2018 ông C yêu cầu Công ty hoàn trả cho ông số tiền 275.229.200 đồng đã nộp để mua 27.700 cổ phần của Công ty, ông C đầu tư mua cổ phần của Công ty vì mục đích lợi nhuận. Như vậy, đây không phải là tranh chấp dân sự như đã xác định tại thời điểm thụ lý, cần xác định lại là tranh chấp kinh doanh thương mại về mua bán cổ phần.

1.3. Thời hiệu khởi kiện và áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện từ năm 2008 đến nay, theo quy định tại điểm b và d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 về việc áp dụng pháp luật đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực đang được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật này thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Về thời hiệu, cuối năm 2016 ông C biết quyền lợi của mình bị xâm phạm nên theo Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 quy định thời hiệu khởi kiện về hợp đồng là vẫn còn.

1.4. Về người đại diện theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước ngày 31.10.2018 thì Ngân hàng B - đơn vị chủ quản của Công ty đã đình chỉ chức vụ của Tổng giám đốc- người đại diện theo pháp luật của Công ty và chỉ định bà T- Phó tổng giám đốc phụ trách điều hành Công ty. Bà T đã gửi văn bản nêu quan điểm của Công ty về nội dung vụ án đồng thời ủy quyền cho bà Hoàng Thị Q H- Chức vụ: Phó phòng phụ trách Kế hoạch tổng hợp công ty tham gia tố tụng. Ngày 31.10.2018 người đại diện theo pháp luật mới của Công ty là ông Phạm N T ủy quyền cho bà Hoàng Thị Q H tiếp tục tham gia tố tụng. Sau khi nhận ủy quyền mới, bà Q H vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án trước đó. Như vậy, người đại diện theo ủy quyền đại diện Công ty tham gia tố tụng tại Tòa án là đúng quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 09.10.2018 bị đơn đề nghị Tòa án buộc ông C phải thanh toán 49.035.849 đồng là khoản tiền lương ông đã nhận thừa khi chuyển công tác về Ngân hàng B vào tháng 5 năm 2013. Công ty đề nghị trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C thì cần bù

trừ khoản tiền trên cho Công ty. Sau khi được Tòa án giải thích pháp luật về Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự về Quyền yêu cầu phản tố của bị đơn và các quy định của Bộ luật Lao động liên quan đến giải quyết tranh chấp tiền lương, Công ty đã xin rút lại yêu cầu buộc ông C phải thanh toán số tiền 49.035.849 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này của Công ty, trường hợp các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[2] Về nội dung:

Ông C và Công ty đều xác nhận: năm 2008-2009 khi Công ty tiến hành cổ phần hóa ông C đã mua 27.700 cổ phần tương đương 275.229.200 đồng (trong đó mua qua trung tâm giao dịch chứng khoán 25.000 cổ phần với giá 206.000.000 đồng và được mua theo diện ưu đãi cho cán bộ công nhân viên Công ty là 2.700 cổ phần với giá 16.729.200 đồng). Công ty đã cấp cho ông C 01 Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần năm 2010.

Xét thấy, đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần kết hợp chào bán cổ phiếu ra công chúng thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, cụ thể: Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26.6.2007 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01.8.2007- hết hiệu lực ngày 05.9.2011); Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18.7.2011 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 05.9.2011); Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16.11.2017 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01.01.2018). Đối chiếu với quy định tại các Nghị định hướng dẫn nêu trên thì kể từ ngày quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa, doanh nghiệp phải hoàn thành việc bán cổ phần trong thời hạn 3 tháng (Điều 41- Nghị định 109/2007/NĐ-CP và Điều 44-Nghị định 59/2011/NĐ-CP) và thời hạn 4 tháng (Điều 38 - Nghị định 126/2017/NĐ-CP). Tuy nhiên, do tổng số cổ phần bán ra chỉ đạt 12% vốn điều lệ và tỷ lệ bán ra chưa đạt mức tối thiểu 25% theo quy định, từ cuối năm 2009 đến 30.6.2010 hoạt động kinh doanh của công ty thua lỗ trầm trọng, lỗ lũy kế lớn dẫn đến mất hết số vốn Nhà nước đã được xác định tại thời điểm thẩm định giá để cổ phần hóa Công ty do đó không thể tiến hành Đại hội đồng cổ đông, không thể thực hiện cổ phần hóa được. Công ty hiện đang chờ quyết định của Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng B chuyển phương án từ cổ phần hóa sang phương án bán toàn bộ doanh nghiệp.

Từ những phân tích nêu trên xác định đối với hợp đồng mua bán cổ phần giữa ông C và Công ty thì ông C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên mua là thanh toán tiền mua cổ phần. Trong khi đó bên bán là Công ty đã không thực hiện nghĩa vụ của mình khi không cổ phần hóa thành công, dẫn đến việc nhà đầu tư như ông C trong nhiều năm qua

không được sở hữu cổ phần của công ty, không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng. Như vậy, Công ty đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của hợp đồng và ông C có quyền hủy bỏ hợp đồng theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 423 Bộ luật Dân sự 2015. Hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng là các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận sau khi đã trừ chi phí hợp lý trong thực hiện hợp đồng và chi phí bảo quản, phát triển tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 427 Bộ luật Dân sự. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc buộc Công ty A hoàn trả số tiền 275.229.200 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu tính lãi của số tiền đã mua cổ phần, không yêu cầu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại đối với Công ty A. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

* Về án phí:

- Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 7412 ngày 11.7.2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.
- Công ty A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 385, Điều 401, khoản 1 Điều 402, Điều 410, điểm b khoản 1 Điều 423, Điều 427, Điều 429, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;
- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26.6.2007 của Chính phủ; Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18.7.2011 của Chính phủ; Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16.11.2017 của Chính phủ;
- Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C về việc hủy bỏ hợp đồng mua bán cổ phần đối với Công ty A.
2. Tuyên bố chấm dứt hiệu lực của Hợp đồng mua bán cổ phần giữa ông C và Công ty A. Buộc Công ty A phải hoàn trả cho ông C số tiền mua bán cổ phần là 275.229.200 đồng.
3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C không yêu cầu tính lãi của số tiền 275.229.200

đồng, không yêu cầu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại đối với Công ty A.

4. Các yêu cầu khác của các đương sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu, nếu người bị thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án xong.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

- Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 7412 ngày 11.7.2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

- Công ty A phải chịu 13.761.460 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt ông C và đại diện của Công ty A. Ông C và Công ty A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- Tòa án NDTP Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Chi cục THADS quận Đống Đa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Việt Nga (Đã ký)